|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Kinh tế - Du lịch** |  **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |
| --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Kế toán** | **Mã số: 7340301** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin chung** |
| **1.1. Tên học phần: Nguyên lý kế toán** | **1.2. Tên tiếng Anh:** Principles of Accounting |
| **1.3. Mã học phần:** KTNLKT.002 | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:**  |  |
| **-** Lý thuyết:  | 30 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm:  | 15 tiết |
| - Tự học:  | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính:  | ThS Phan Thị Thu Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Các giảng viên bộ môn Kế toán theo sự phân công |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Nguyên lý kế toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán bao gồm: Khái niệm, đối tượng và lịch sử hình thành và phát triển của kế toán; đặc điểm của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp tài khoản và ghi kép, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán), Kế toán một số quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

 Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán bao gồm: Khái niệm, đối tượng và lịch sử hình thành và phát triển của kế toán; đặc điểm của kế toán; các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tính giá, phương pháp tài khoản và ghi kép, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán), Phương pháp kế toán một số quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp sinh viên tiếp cận với những nguyên lý mới, những thành tựu mới trong lĩnh vực kế toán mới trong nước và trên thế giới.

**2.2.2. Về kỹ năng**

 Sau khi học xong học phần Nguyên lý kế toán sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản đã học để giải thích và xử lý các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong doanh nghiệp từ đó làm tiền đề để sinh viên có thể đi sâu tìm hiểu thực trạng tài chính trong doanh nghiệp, phân tích tình hình tài chính của đơn vị, đề xuất những chiến lược, quyết định kinh doanh cho doanh nghiệp.

**2.2.3. Về thái độ**

Rèn luyện cho sinh viên thái độ học tập và nghiên cứu một cách khoa học và nghiêm túc; phát triển các kỹ năng làm việc độc lập và kỹ năng làm việc nhóm cho người học.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Giải thích được các kiến thức liên quan đến những vấn đề chung về kế toán |
| CLO2 | Diễn giải các kiến thức về các phương pháp kế toán: tổng hợp cân đối kế toán, tài khoản và ghi sổ kép, tính giá, chứng từ, kế toáncác quá trình kinh doanh chủ yếu, sổ sách… |
| CLO3 | Nhận diện và xử lý các tình huống phát sinh liên quan đến công việc kế toán  |
| CLO4 | Vận dụng linh hoạt các nguyên tắc, phương pháp kế toán phù hợp với từng tình huống cụ thể tại doanh nghiệp |
| CLO5 | Có năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp: Có khả năng tự cập nhật kiến thức mới, tự nghiên cứu để áp dụng hiệu quả những kiến thức chuyên môn vào thực tiễn. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 |  | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  | R | R | R | R,A |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  | R | R | R | R |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  | R |  |  | I | I | I |  |
| Tổng hợp học phần |  | R | R | R | R,A | R |  |  | I | I | I |  |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu,có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric****(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% |  |  | x | CLO5 | *Đánh giá theo Rubric 1* |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) |  30% | A2.1. Tuần 4: Chương 1 và chương 2 | 30% | x | CLO 1 | *Đánh giá theo Rubric 3; kiểm tra viết theo thang điểm 10* |
| A2.2. Tuần 10: Chương 3,4  | 30% | x | CLO 2, CLO 3, CLO4 |
| A2.3. Tuần 13: Chương 5 và chương 6 | 40% | x | CLO 2, CLO 4, CLO 5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài thi cuối kỳ: Viết hoặc vấn đáp |  | x | CLO 1CLO 2 CLO3 CLO 4 CLO5 | *Theo bài kiểm tra viết thang điểm 10 hoặc Rubric 5* |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần:*** *Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.***6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/****Buổi**(3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bàiđánh giá(ở cột 3 bảng 3) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Tổng quan về kế toán1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của kế toán1.2. Bản chất của kế toán1.3 Đối tượng của kế toán | 3 LT | * 1. Nắm được khái quát lịch sử hình thành và phát triển kế toán
	2. Nắm được những nội dung cơ bản vè bản chất của kế toán trong doanh nghiệp
	3. Trình bày được các đối tượng kế toán
 | CLO1CLO1CLO1 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1])- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi |  |
| 2 | Chương 1: Tổng quan về kế toán (tiếp)1.4. Các khái niệm và các nguyên tắc kế toán1.5. Các phương pháp của kế toán | 2 LT1BT | * 1. Trình bày được các kiến thức và các nguyên tắc kế toán
	2. Trình bày được các phương pháp áp dụng trong kế toán
 | CLO1CLO1 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 3 | Chương 2: Phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán2.1 Khái niệm phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán2.2 Bảng cân đối kế toán | 2 LT1BT | 2.1. Trình bày kiến thức liên quan đến phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán.2.2. Vận dụng kiến thức kế toán để lập bảng cân đối kế toán | CLO2CLO3CLO4 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 4 | Chương 2: tiếp theo2.3 Báo cáo kết quả kinh doanh2.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 1 LT2BT | 2.3 Nắm các kiến thức liên quan đến báo cáo kết quả kinh doanh và vận dụng để lập một báo cáo kinh doanh tại doanh nghiệp2.4. Nắm các kiến thức liên quan đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và vận dụng kiến thức để lập báo cáo  | CLO2CLO3ClO4CLO2CLO3CLO4 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống , GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.1 |
| 5 | Chương 3: Phương pháp tài khoản và ghi sổ kép3.1. Khái niệm phương pháp tài khoản và ghi sổ kép3.2 Vai trò của phương pháp tài khoản và ghi sổ kép | 3 LT  | 3.1. Trình bày các kiến thức về các khái niệm về phương pháp tài khoản và ghi sổ kép3.2. Nắm các kiến thức về vai trò của phương pháp tk và ghi sổ kép | CLO2CLO2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 6 | Chương 3 Tiếp theo3.3. Tài khoản kế toán | 1 LT2BT | 3.3. Vận dụng kiến thức đã học để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên tài khoản chữ T | CLO3CLO4 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống , GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 7 | Chương 3 Tiếp theo3.4 Ghi sổ kép | 1 LT2 BT | 3.4. Nắm các kiến thức về ghi sổ kép và vận dụng vào tình huống cụ thể để định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các doanh nghiệp | CLO2CLO3CLO4 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.2 |
| 8 | Chương 4: Phương pháp tính giá4.1. Khái niệm phương pháp tính giá4.2. Vai trò của phương pháp tính giá4.3 Yêu cầu tính giá | 3 LT | 4.1. Nắm các khái niệm về phương pháp tính giá4.2. Trình bày các kiến thức về vai trò của phương pháp tính giá4.3 Nắm các yêu cầu của tính giá  | CLO2CLO2CLO2 |  Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 9 | Chương 4: Tiếp theo4.4. Nguyên tắc tính giá4.5. Tính giá một số đối tượng chủ yếu | 2 LT1 BT | 4.4. Trình bày các kiến thức liên quan đến nguyên tắc tính giá4.5 Áp dụng kiến thức để tính giá một số đối tượng chủ yếu trong kế toán.- Nhận dạng các đối tượng cơ bản để tính giá phù hợp | CLO2CLO3CLO4 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 10 | Chương 5: Phương pháp chứng từ5.1. Khái niệm phương pháp chứng từ5.2. Vai trò, tác dụng của chứng từ kế toán | 2LT1 BT | 5.1. Nắm các khái niệm về phương pháp chứng từ5.2. Trình bày được vai trò tác dụng của chứng từ kế toán | CLO2CLO2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 11 | Chương 5: Tiếp5.3. Khái niệm và phân loại chứng từ kế toán5.4. Luân chuyển chứng từ | 2 LT1 BT | 5.3. Trình bày khái niệm và phân loại chứng từ5.4 Ứng dụng trong luận chuyển chứng từ và lập chứng từ tại một doanh nghiệp cụ thểTự cập nhật các kiến thức mới về chứng từ điện từ | CLO2CLO3CLO4CLO5 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 5) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi |  |
| 12 | Chương 6: Kế toán một số quá trình kinh doanh chủ yếu6.1 Khái quát về các quá trình kinh doanh của doanh nghiệp6.2 Kế toán quá trình cung cấp6.3. Kế toán quá trình sản xuất  | 2 LT1 BT | 6.1. Trình bày khái quát về các quá trình kinh doanh của doanh nghiệp6.2. Trình bày kế toán quá trình cung cấp và ứng dụng trong kế toán quá trình cung cấp6.3. Trình bày kế toán quá trình cung cấp và, nhận dạng, phân tích, ứng dụng trong kế toán quá trình sản xuất  | CLO2CLO2CLO3CLO4CLO2CLO3CLO4 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 6) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 13 | Chương 6 Tiếp6.4 Kế toán quá trình tiêu thụ6.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh | 2 LT1 BT | 6.4. Nắm các kiến thức về kế toán quá trình tiêu thụ, nhận dạng và ứng dụng vào các nghiệp vụ kế toán tiêu thụ6.5. Nắm các kiến thức về kế toán quá trình tiêu thụ, nhận dạng và ứng dụng vào các nghiệp vụ kế toán xác định kết quả kinh doanh | CLO2CLO3CLO4CLO2CLO3CLO4 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 6) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.3 |
| 14 | Chương 7: Sổ kế toán và hình thức kế toán7.1 Sổ kế toán | 2 LT1 BT | 7.1. Nắm kiến thức liên quan đến sổ kế toán- Ứng dụng, nhận dạng và ghi sổ một số nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp | CLO2CLO3CLO4 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống, GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 7) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| 15 | Chương 7: tiếp7.2. Hình thức kế toán | 2 LT1BT | 7.2 Trình bày các hình thức kế toán đang áp dụng tại các doanh nghiệp hiện nay | CLO2 | Thuyết giảng, câu hỏi gợi mở, tình huống , GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 7) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [2], [3], [4], [5].- Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,****tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/****nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** |
| 1 | Các giảng viên bộ môn kế toán | 2021 | *Bài giảng Nguyên lý kế toán* | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** |
| 2 | Võ Văn Nhị | 2015 | *Nguyên lý kế toán lý thuyết và hệ thống bài tập* | NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. |
| 3 | Tổng cục thuế | 2015 | *Hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp* | NXB Khoa học xã hội |
| 4 | Bộ Tài chính | 2013 | *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam* | NXB Lao động |
| 5 | Phan Đức Dũng  | 2012 | *Bài tập và bài giải nguyên lý kế toán* | NXB Lao động-xã hội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương**  |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 1* |
| *2* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 2* |
| *3* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 3* |
| *4* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 4* |
| *5* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 5* |
| *6* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 6* |
| *7* | **Giảng đường A** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 7* |

**9. Rubric đánh giá**

**Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng****số** |
|
| **MỨC F****(0-3.9)** | **MỨC D****(4.0-5.4)** | **MỨC C****(5.5-6.9)** | **MỨC B****(7.0-8.4)** | **MỨC A****(8.5-10)** |
|
|
| Chuyêncần | Không đi học(<30%). | Đi học không chuyên cần(<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần(>=90 %). | **50%** |
|
| Đóng góptại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |
|
|
|
|

**Đánh giá bài tập (Work Assigment):**

**Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí****đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng****số** |
| **MỨC F****(0-3.9)** | **MỨC D****(4.0-5.4)** | **MỨC C****(5.5-6.9)** | **MỨC B****(7.0-8.4)** | **MỨC A****(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bàybài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bàitập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **50%** |

 **Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam)**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

**Đánh giá thi vấn đáp (Oral Exam):**

**Rubric 5: Thi vấn đáp (Oral Exam)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí****đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng****số** |
|
| **MỨC F****(0-3.9)** | **MỨC D****(4.0-5.4)** | **MỨC C****(5.5-6.9)** | **MỨC B****(7.0-8.4)** | **MỨC A****(8.5-10)** |
|
|
| Thái độ trảlời câu hỏi | Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, gióng nói khó nghe. | Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin. | Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời lời phù hợp, dễ hiểu. | Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng. | Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng, lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. | **20%** |
| Nội dung trảlời | Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi. | Các câu trả lời không rõràng, gần như không liên, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi. | Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. | Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục. | Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lậpluận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục. | **80%** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |

 |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**KHOA KINH TẾ - DU LỊCH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: : KẾ TOÁN CHI PHÍ Mã học phần: KTKTCP.036

Số tín chỉ: 03 Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên đại học, ngành Kế toán, hệ chính quy.

**1. Thông tin hoạt động nghiệm thu**

Thời gian nghiệm thu: 8h00 ngày / /2021

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng khoa KT-DL

Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

1. TS. Trần Tự Lực - Chủ tịch Hội đồng

2. ThS. Nguyễn Thị Diệu Thanh - Phản biện 1

3. ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga - Phản biện 2

4. TS. Trương Thủy Vân - Ủy viên

5. ThS Phan Thị Thu Hà - Thư kí

**2. Ý kiến Hội đồng nghiệm thu**

- Phản biện 1: ThS. Nguyễn Thị Diệu Thanh đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)

- Phản biện 2: ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga đọc nhận xét (có văn bản kèm theo)

- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Học phần Kế toán thuế cần có những chỉnh sửa về tính cân đối về thời gian phân bố đối với các nội dung kiến thức.

**3.** **Kết luận của** **Hội đồng:**

**Về hình thức:**

-Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.

- Phân bố thời gian hợp lý với dung lượng kiến thức, cân đối giữa lý thuyết, bài tập, thảo luận.

- Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 2, trang 6)

**Về nội dung**:

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.

- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, cơ bản, chú ý rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành, liện hệ thực tế cho sinh viên. Có khả năng đo lường, và thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.

- Chương trình chi tiết đã mô tả kiến thức cơ bản, kỹ năng, giáo dục thái độ đáp ứng được yêu cầu đào tạo.

- Các tiêu chuẩn để đánh giá sinh viên đã thể hiện được mục tiêu trong từng tín chỉ và trong toàn bộ học phần, có khả năng phân loại được trình độ của sinh viên.

- Tuy nhiên cần xem xét thời lượng phân bố giữa các chương cho cân đối, thời lượng bài tập với môn này nên tăng lên ở từng chương.

**Kết luận:** Chương trình cần chỉnh sửa trước khi được nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày ..... tháng ..... năm 2021*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THƯ KÝ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**KHOA KINH TẾ - DU LỊCH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** : KẾ TOÁN CHI PHÍ Mã học phần: KTKTCP.234

**Số tín chỉ:** 03

**Đối tượng**: Sinh viên đại học, ngành kế toán, hệ chính quy

**Nội dung nhận xét:**

***\* Về hình thức:***

-Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác. Tuy nhiên vẫn còn một số lỗi chính tả như sau:

+ Các mục tiêu là kiến thức, kỹ năng, không phải “về kiến thức”, “về kỹ năng”

+ Ghi rõ bao nhiêu tiết LT, bao nhiêu tiết bài tập

***\* Về nội dung:***

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.

- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo

- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.

- Đã bổ sung và cập nhập những thay đổi mới của Bộ Tài chính

- Những nội dung cần chỉnh sửa:

+ Mục 1: Không có điều kiện tiên quyết.

**Kết luận chung:** Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày tháng năm 2019*

NGƯỜI NHẬN XÉT

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**KHOA KINH TẾ - DU LỊCH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BẢN NHẬN XÉT ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** : KẾ TOÁN CHI PHÍ Mã học phần: KTKTCP.036

**Số tín chỉ:** 03

**Đối tượng**: Sinh viên đại học, ngành kế toán, hệ chính quy.

**Nội dung nhận xét:**

***\* Về hình thức:***

-Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác, không có lỗi chính tả.

Tuy nhiên còn một số lỗi định dạng cần chỉnh sửa (trang 2, trang 6)

***\* Về nội dung:***

- Mục tiêu học phần đã bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Đại học Kế toán.

- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học. Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo

- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.

- Quy định các hình thức kiểm tra đã phù hợp

- Cần xem xét lại phân bố số tiết trong các chương 5, 6.

**Kết luận chung:** Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

*Quảng Bình, ngày tháng năm 2021*

NGƯỜI NHẬN XÉT